

# **BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CÔNG NGHỆ CMC**

Cho Từ ngày 01/07/2016 đến ngày 30/09/2016



## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30 tháng 09 năm 2016

Mã số TÀI SẢN	Thuyết minh	30/09/2016	01/04/2016
		VND	VND
<b>100 A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>184.905.636.497</b>	<b>177.465.644.625</b>
<b>110 I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>1</b>	<b>2.287.750.568</b>	<b>6.854.329.348</b>
111 1. Tiền		2.287.750.568	6.854.329.348
112 2. Các khoản tương đương tiền		-	-
<b>120 II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>2</b>	<b>60.000.000.000</b>	<b>-</b>
123 3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		60.000.000.000	-
<b>130 III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>		<b>121.298.094.249</b>	<b>168.534.034.452</b>
131 1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	15.370.997.411	13.902.585.246
132 2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	6	1.170.900.362	369.679.382
135 5. Phải thu về cho vay ngắn hạn		2.753.792.440	4.732.536.683
136 6. Phải thu ngắn hạn khác	8	110.814.602.434	158.341.431.539
137 7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)		(8.812.198.398)	(8.812.198.398)
139 8. Tài sản thiếu chờ xử lý	9	-	-
<b>140 IV. Hàng tồn kho</b>	<b>9</b>	<b>57.650.000</b>	<b>57.650.000</b>
141 1. Hàng tồn kho		57.650.000	57.650.000
149 2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)		-	-
<b>150 V. Tài sản ngắn hạn khác</b>		<b>1.262.141.680</b>	<b>2.019.630.825</b>
151 1. Chi phí trả trước ngắn hạn	13	1.065.729.646	1.823.218.791
152 2. Thuế GTGT được khấu trừ		176.099.811	176.099.811
153 3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	17	20.312.223	20.312.223
<b>200 B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>643.449.913.223</b>	<b>636.715.745.474</b>
<b>220 II. Tài sản cố định</b>		<b>284.518.013.902</b>	<b>289.130.450.959</b>
221 1. Tài sản cố định hữu hình	11	272.348.706.771	277.899.526.428
222 - Nguyên giá		364.351.721.538	361.009.951.538
223 - Giá trị hao mòn lũy kế (*)		(92.003.014.767)	(83.110.425.110)
227 3. Tài sản cố định vô hình	12	12.169.307.131	11.230.924.531
228 - Nguyên giá		20.202.172.474	17.989.721.014
229 - Giá trị hao mòn lũy kế (*)		(8.032.865.343)	(6.758.796.483)
<b>240 IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>10</b>	<b>111.690.000</b>	<b>4.979.871.460</b>
241 1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn		-	-
242 2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		111.690.000	4.979.871.460
<b>250 V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>2</b>	<b>348.939.595.791</b>	<b>332.676.175.445</b>
251 1. Đầu tư vào công ty con		430.664.926.000	419.608.926.000
252 2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết		12.248.356.000	12.248.356.000
253 3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		627.044.400	627.044.400
254 4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn (*)		(94.600.730.609)	(99.808.150.955)
255 5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		-	-
<b>260 VI. Tài sản dài hạn khác</b>		<b>9.880.613.530</b>	<b>9.929.247.610</b>
261 1. Chi phí trả trước dài hạn		9.880.613.530	9.929.247.610
<b>270 TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		<b>828.355.549.720</b>	<b>814.181.390.099</b>

## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30 tháng 09 năm 2016  
 (tiếp theo)

Mã số NGUỒN VỐN	Thuyết minh	30/09/2016	01/04/2016
		VND	VND
<b>300 C. NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>120.327.021.851</b>	<b>72.138.425.820</b>
<b>310 I. Nợ ngắn hạn</b>		<b>105.259.316.265</b>	<b>54.439.207.475</b>
311 1. Phải trả người bán ngắn hạn	15	8.546.420.741	13.832.399.322
312 2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	16	1.074.387.902	4.368.389.524
313 3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	17	827.907.501	751.386.298
314 4. Phải trả người lao động		617.978.933	4.152.963.523
315 5. Chi phí phải trả ngắn hạn	18	4.965.704.029	1.701.438.551
318 8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	20	11.394.545.144	7.351.570.058
319 9. Phải trả ngắn hạn khác	19	16.252.229.964	13.334.391.428
320 10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	14	61.574.469.726	6.166.745.338
322 12. Quỹ khen thưởng phúc lợi		5.672.325	2.779.923.433
<b>330 II. Nợ dài hạn</b>		<b>15.067.705.586</b>	<b>17.699.218.345</b>
337 7. Phải trả dài hạn khác	19	13.333.463.111	14.548.029.064
341 11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	32	1.734.242.475	1.763.240.645
343 13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ			1.387.948.636
<b>400 D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>708.028.527.869</b>	<b>742.042.964.279</b>
<b>410 I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>21</b>	<b>708.028.527.869</b>	<b>742.042.964.279</b>
411 1. Vốn góp của chủ sở hữu		673.419.530.000	673.419.530.000
411a Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		673.419.530.000	673.419.530.000
411b Cổ phiếu ưu đãi		-	-
412 2. Thặng dư vốn cổ phần		14.895.512.634	14.895.512.634
415 5. Cổ phiếu quỹ (*)		(6.840.260.634)	(6.840.260.634)
421 11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		26.553.745.869	60.568.182.279
421a LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		6.212.220.852	(13.691.869.335)
421b LNST chưa phân phối kỳ này		20.341.525.017	74.260.051.614
422 12. Nguồn vốn đầu tư XDCB		-	-
<b>440 TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>		<b>828.355.549.720</b>	<b>814.181.390.099</b>

NGUYỄN HỒNG PHƯƠNG  
 Kế toán trưởng

LÊ THANH SƠN  
 Giám đốc tài chính



NGUYỄN TRUNG CHÍNH  
 Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 18 tháng 10 năm 2016

**BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH**

Từ ngày 01/07/2016 đến ngày 30/09/2016

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Từ 01/07/2016 đến 30/09/2016	Từ 01/07/2015 đến 30/09/2015	Lũy kế từ 01/04/2016 đến 30/09/2016	Lũy kế từ 01/04/2015 đến 30/09/2015
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	18	29.638.734.031	27.016.184.491	59.200.213.408	50.776.797.697
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	19	-	-	-	-
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ		29.638.734.031	27.016.184.491	59.200.213.408	50.776.797.697
11	4. Giá vốn hàng bán	20	20.090.984.004	14.772.469.157	37.404.755.545	26.314.242.003
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		9.547.750.027	12.243.715.334	21.795.457.863	24.462.555.694
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	971.614.761	3.522.030.135	16.233.595.167	14.027.129.299
22	7. Chi phí tài chính	22	(4.765.390.207)	(432.542.664)	(4.269.744.524)	1.322.054.176
23	- Trong đó: Chi phí lãi vay		442.030.139	1.330.906.990	937.675.822	3.076.427.939
24	8. Chi phí bán hàng		297.857.420	153.419.652	591.343.082	315.718.779
25	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp		8.183.690.225	7.906.426.719	19.134.758.179	14.295.183.699
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		6.803.207.350	8.138.441.762	22.572.696.293	22.556.728.339
31	11. Thu nhập khác		419.074.945	11.190.000	1.902.415.709	11.190.000
32	12. Chi phí khác		419.074.945	6.853.744	1.902.415.709	6.853.744
40	13. Lợi nhuận khác		-	4.336.256	-	4.336.256
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		6.803.207.350	8.142.778.018	22.572.696.293	22.561.064.595
52	16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại		(28.998.170)	(31.897.988)	(28.998.170)	(31.897.988)
60	17. Lợi nhuận sau thuế TNDN		6.832.205.520	8.174.676.006	22.601.694.463	22.592.962.583

Kế toán trưởng



Nguyễn Hồng Phương

Giám đốc tài chính



Lê Thanh Sơn

Hà Nội, ngày 18 tháng 10 năm 2016

**Tổng Giám đốc**



Handwritten signature of Nguyễn Trung Chính

Nguyễn Trung Chính

## BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG

Kỳ kế toán từ ngày 01/04/2016 đến ngày 30/09/2016

(Theo phương pháp trực tiếp)

Mã số CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Từ 01/04/2016	Từ 01/04/2015 đến
		đến 30/09/2016	30/09/2015
		VND	VND
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
01	1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	62.819.237.321	71.668.510.145
02	2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	(21.670.259.511)	(59.726.764.377)
03	3. Tiền chi trả cho người lao động	(8.937.666.021)	(1.459.428.933)
04	4. Tiền lãi vay đã trả	(348.711.523)	(938.706.984)
06	6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	17.925.851.342	1.367.794.144
07	7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	(28.320.447.862)	(6.391.960.845)
20	<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</i>	<i>21.468.003.746</i>	<i>4.519.443.150</i>
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	-	-
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	-	-
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	(77.274.000.000)	(3.030.700.800)
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	21.818.635.217	4.426.291.973
25	5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	(13.709.000.000)	(30.000.000.000)
26	6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	-	34.525.947.988
27	7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	39.326.981.972	-
30	<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</i>	<i>(29.837.382.811)</i>	<i>5.921.539.161</i>
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
33	3. Tiền thu từ đi vay	81.189.996.827	1.440.000.000
34	4. Tiền trả nợ gốc vay	(25.782.272.439)	(14.260.983.064)
35	5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	-	-
36	6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	(51.604.720.880)	-
40	<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	<i>3.803.003.508</i>	<i>(12.820.983.064)</i>
50	<i>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</i>	<i>(4.566.375.557)</i>	<i>(2.380.000.753)</i>
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm	6.854.126.125	10.389.879.420
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	-	-
70	<b>Tiền và tương đương tiền cuối năm</b>	<b>2.287.750.568</b>	<b>8.009.878.667</b>

NGUYỄN HỒNG PHƯƠNG  
 Kế toán trưởng

LÊ THANH SƠN  
 Giám đốc tài chính

NGUYỄN TRUNG CHÍNH  
 Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 18 tháng 10 năm 2016

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Kỳ kế toán từ ngày 01/04/2016 đến ngày 30/09/2016

### I . THÔNG TIN CHUNG

#### I . Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp

Công ty Cổ phần Tập đoàn Công nghệ CMC được chuyển đổi từ Công ty TNHH Máy Tính Truyền thông và được thành lập Trụ sở chính của Công ty được đặt tại Tòa nhà CMC Tower - Phố Duy Tân - Phường Dịch Vọng Hậu - Quận Cầu Giấy - Hà Nội. Vốn điều lệ của Công ty là 673.419.530.000 VND (Sáu trăm bảy mươi ba tỷ bốn trăm mười chín triệu năm trăm ba mươi nghìn đồng) tương đương 67.341.953 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

Công ty có các đơn vị trực thuộc sau:

Chi nhánh	Địa chỉ	Hoạt động kinh doanh chính
Chi nhánh Công ty Cổ phần Tập đoàn	Quận 5 - Thành phố HCM	Công nghệ thông tin, viễn thông và kinh doanh
<b>Thông tin về các công ty con, công ty liên doanh, liên kết của Công ty</b>		
<b>Công ty con trực tiếp</b>	<b>Địa chỉ</b>	<b>Hoạt động kinh doanh chính</b>
Công ty TNHH Giải pháp Phần mềm	Tầng 14 - Tòa nhà CMC	Sản xuất phần mềm, cung cấp giải pháp phần
Công ty TNHH Tích hợp Hệ thống	Tầng 16 - Tòa nhà CMC	Cung cấp các giải pháp tổng thể chuyên ngành;
Công ty TNHH Sản xuất và Thương	Tầng 12 - Tòa nhà CMC	Phân phối các sản phẩm Công nghệ thông tin và
Công ty Cổ phần Dịch vụ Viễn thông CMC	Tầng 15 - Tòa nhà CMC Tower	Cung cấp dịch vụ viễn thông cố định và internet; cung cấp các dịch vụ thương mại điện tử và các dịch vụ gia tăng; cung cấp dịch vụ nội dung số, lưu
Công ty Cổ phần An ninh An toàn	Số 2 Ngách 33/2 Ngõ 64	Cung cấp các giải pháp, phần mềm, dịch vụ bảo
Công ty TNHH CMC Blue France	Cộng Hòa Pháp	Cung cấp dịch vụ thuê ngoài công nghệ thông tin
Công ty Cổ phần Hạ tầng Viễn thông	Tầng 15 - Tòa nhà CMC	Thiết lập hạ tầng mạng và cung cấp dịch vụ viễn
<b>Công ty liên doanh, liên kết</b>	<b>Địa chỉ</b>	<b>Hoạt động kinh doanh chính</b>
Công ty Liên doanh Ciber-CMC	Tầng 13 - Tòa nhà CMC	Sản xuất phần mềm, cung cấp các dịch vụ phần
Công ty Cổ phần NetNam	Hoàng Quốc Việt - Cầu Giấy - Hà Nội	Cung cấp các dịch vụ về mạng Internet
<b>Công ty con gián tiếp thông qua các khoản đầu tư của Công ty con trực tiếp:</b>		
Công ty TNHH Tích hợp hệ thống	TP HCM	Cung cấp các giải pháp về CNTT
Công ty TNHH Máy tính CMS	Tầng 12 - Tòa nhà CMC	Sản xuất và lắp ráp máy tính Thương hiệu Việt

#### 2 . Lĩnh vực kinh doanh

Công nghệ thông tin

#### 3 . Ngành nghề kinh doanh

Theo Giấy đăng ký kinh doanh số 0103015824 được thay đổi lần 05 ngày 09 tháng 11 năm 2011, hoạt động kinh doanh của

- Dịch vụ thuê và cho thuê nhà ở, văn phòng, nhà xưởng, kho bãi;
- Kinh doanh, đầu tư, môi giới và quản lý bất động sản;
- Đại lý mua, đại lý bán, ký gửi hàng hóa;
- Mua bán tư liệu sản xuất, tư liệu tiêu dùng, thiết bị, vật tư phục vụ trong sản xuất, khoa học kỹ thuật và chuyển giao công
- Sản xuất, mua bán trang thiết bị y tế;
- Dịch vụ huấn luyện và đào tạo trong lĩnh vực công nghệ thông tin;
- Sản xuất phần mềm, cung cấp dịch vụ và giải pháp phần mềm và nội dung, xuất bản phần mềm; dịch vụ xử lý dữ liệu và
- Tích hợp hệ thống, tư vấn đầu tư, cung cấp các giải pháp tổng thể và dịch vụ hạ tầng trong lĩnh vực công nghệ thông tin, điện tử viễn thông và phát thanh truyền hình.

**4 . Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường**

- Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty thời gian 1 năm từ ngày 01 tháng 04 năm nay đến ngày 31 tháng 3

**5 . Cấu trúc doanh nghiệp**

Công ty có các đơn vị trực thuộc sau:

<b>Chi nhánh</b>	<b>Địa chỉ</b>	<b>Hoạt động kinh doanh chính</b>
Chi nhánh Công ty Cổ phần Tập đoàn Xí nghiệp	Quận 5 - Thành phố HCM	Công nghệ thông tin, viễn thông và kinh doanh
<b>Thông tin về các công ty con, công ty liên doanh, liên kết của Công ty</b>		
<b>Công ty con trực tiếp</b>	<b>Địa chỉ</b>	<b>Hoạt động kinh doanh chính</b>
Công ty TNHH Giải pháp Phần mềm CMC	Tầng 14 - Tòa nhà CMC Tower	Sản xuất phần mềm, cung cấp giải pháp phần mềm, cung cấp các dịch vụ phần mềm và nội dung, cung cấp dịch vụ thuê ngoài phần mềm, giải pháp ERP.
Công ty TNHH Sản xuất và Thương Mại CMC	Tầng 12 - Tòa nhà CMC Tower	Phân phối các sản phẩm Công nghệ thông tin và Viễn thông.
Công ty Cổ phần An ninh An toàn Thông tin CMC	Số 2 Ngách 33/2 Ngõ 64 Nguyễn Lương Bằng, Hà Nội	Cung cấp các giải pháp, phần mềm, dịch vụ bảo mật hệ thống, an ninh an toàn thông tin.
Công ty TNHH CMC Blue France	Cộng Hòa Pháp	Cung cấp dịch vụ thuê ngoài công nghệ thông tin (ITO) và dịch vụ thuê ngoài tác nghiệp (BPO).
Công ty Cổ phần Hạ tầng Viễn thông CMC	Tầng 15 - Tòa nhà CMC Tower	Thiết lập hạ tầng mạng và cung cấp dịch vụ viễn thông cố định và internet.
Viện nghiên cứu Ứng dụng Công nghệ CMC	Tầng 17 - Tòa nhà CMC Tower	Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực công nghệ thông tin và viễn thông
<b>Công ty liên doanh, liên kết</b>	<b>Địa chỉ</b>	<b>Hoạt động kinh doanh chính</b>
Công ty Liên doanh Ciber-CMC	Tầng 13 - Tòa nhà CMC Tower	Sản xuất phần mềm, cung cấp các dịch vụ phần mềm ERP của SAP, đào tạo và cung cấp nhân lực tư vấn phần mềm cao cấp.
Công ty Cổ phần NetNam	Hoàng Quốc Việt - Cầu Giấy - Hà Nội	Cung cấp các dịch vụ về mạng Internet
<b>Công ty con gián tiếp thông qua các khoản đầu tư của Công ty con trực tiếp:</b>		
Công ty TNHH Tích hợp hệ thống CMC Sài Gòn ( CSI Sài Gòn)	TP HCM	Cung cấp các giải pháp về CNTT
Công ty TNHH Máy tính CMS	Tầng 12 - Tòa nhà CMC Tower	Sản xuất và lắp ráp máy tính Thương hiệu Việt Nam, phân phối các sản phẩm công nghệ thông tin.

**II . Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

- 1 . Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/04 và kết thúc vào ngày 31/03 hàng năm.
- 2 . Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

**III . Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng**

- 1 . Chế độ kế toán áp dụng  
 Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.
- 2 . Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

3. Thay đổi trong các chính sách kế toán và thuyết minh

Ngày 22/12/2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư 200/2014/TT-BTC hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp thay thế

III. Các chính sách kế toán áp dụng

1. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian

2. Nguyên tắc kế toán cá khoản đầu tư tài chính

- a) Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.
- b) Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết;

Các khoản đầu tư vào các công ty con mà trong đó Công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc. Các khoản phân phối lợi nhuận mà công ty mẹ nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của các công ty con sau ngày công ty mẹ nắm quyền kiểm soát được ghi vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ của công ty mẹ. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi của các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp giá gốc. Các khoản phân phối lợi nhuận từ số lợi nhuận thuần lũy kế của các công ty liên kết sau ngày đầu tư được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Khoản đầu tư vào công ty liên doanh được kế toán theo phương pháp giá gốc. Khoản vốn góp liên doanh không điều chỉnh theo thay đổi của phần sở hữu của công ty trong tài sản thuần của công ty liên doanh. Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty phản ánh khoản thu nhập được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của Công ty liên doanh phát sinh sau khi góp vốn liên doanh.

Hoạt động liên doanh theo hình thức Hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát và Tài sản đồng kiểm soát được Công ty áp dụng nguyên tắc kế toán chung như với các hoạt động kinh doanh thông thường khác. Trong đó:

- Công ty theo dõi riêng các khoản thu nhập, chi phí liên quan đến hoạt động liên doanh và thực hiện phân bổ cho các bên trong liên doanh theo hợp đồng liên doanh;
- Công ty theo dõi riêng tài sản góp vốn liên doanh, phần vốn góp vào tài sản đồng kiểm soát và các khoản công nợ chung. Các khoản đầu tư tài chính tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Kỳ phiếu, tín phiếu kho bạc, tiền gửi ngân hàng có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua khoản đầu tư đó được coi là "tương đương tiền";
- Có thời hạn thu hồi vốn dưới 1 năm hoặc trong 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản ngắn hạn;
- Có thời hạn thu hồi vốn trên 1 năm hoặc hơn 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản dài hạn;

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường hoặc giá trị hợp lý của chúng tại thời điểm lập dự phòng.

- Đối với các khoản đầu tư chứng khoán: nếu chứng khoán đã được niêm yết thì giá trị thị trường được tính theo giá giao
- Đối với các khoản đầu tư dài hạn vào tổ chức kinh tế: mức trích lập dự phòng được xác định dựa vào báo cáo tài chính tại thời điểm trích lập dự phòng của tổ chức kinh tế.

3. Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Các khoản phải thu và phải trả về bán hàng và cung cấp dịch vụ, cho vay, đi vay với Công ty con, Công ty liên kết của Công ty Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho từng khoản phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ và đánh giá của Ban Tổng Giám đốc Công ty về khả năng thu hồi của khoản nợ căn cứ vào các thông tin có liên quan.



#### 4. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp đích danh.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên hoặc kiểm kê định kỳ

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

#### 5. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	20 - 45 năm
- Phương tiện vận tải	X - Y năm
- Thiết bị văn phòng	03 năm
- Phần mềm máy vi tính	08 năm
- Quyền sử dụng đất	X - Y năm
- Tài sản cố định vô hình khác	03 năm

Đối với tài sản là Tòa nhà Tri thức, Công ty nắm giữ với mục đích lâu dài để nghiên cứu, phát triển và cung cấp hàng hóa, dịch vụ công nghệ thông tin và tạm thời sử dụng để cho thuê. Do đó Công ty không tách riêng rõ giá trị tài sản đo chủ sở hữu sử dụng và giá trị tài sản cho thuê, vì vậy toàn bộ giá trị Tòa nhà Tri thức được Công ty theo dõi trên Khoản mục Tài sản cố định hữu hình.

#### 6. Nguyên tắc kế toán thuế Thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

#### 7. Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước

Các chi phí trả trước chi liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh của một năm tài chính hoặc một chu kỳ kinh doanh được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính.

Các chi phí đã phát sinh trong năm tài chính nhưng liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều niên độ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các niên độ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

#### 8. Nguyên tắc kế toán nợ phải trả

Nợ phải trả được theo dõi trên sổ kế toán chi tiết theo từng đối tượng theo nguyên tệ.

Các khoản nợ có gốc ngoại tệ sẽ được đánh giá lại theo tỷ giá mua vào của ngân hàng thương mại nơi Công ty mở tài khoản công bố tại thời điểm lập Báo cáo tài chính. Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính.

#### 9. Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ phải trả thuê tài chính

Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng khế ước vay nợ và kỳ hạn phải

#### 10. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá), bao gồm các khoản lãi tiền vay, phân bổ các khoản chiết khấu hoặc phụ trội khi phát hành trái phiếu, các khoản chi phí phụ phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay.

**11 . Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả**

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong kỳ. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

**12 . Nguyên tắc ghi nhận doanh thu chưa thực hiện**

Doanh thu chưa thực hiện gồm doanh thu nhận trước như: số tiền của khách hàng đã trả trước cho một hoặc nhiều kỳ kế toán Doanh thu chưa thực hiện được kết chuyển vào Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ hoặc Doanh thu hoạt động tài chính theo số tiền được xác định phù hợp với từng kỳ kế toán.

**13 . Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn/hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm Thặng dư vốn cổ phần.

Vốn khác của chủ sở hữu được ghi theo giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản mà doanh nghiệp được các tổ chức, cá nhân khác tặng, biếu sau khi trừ (-) các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản được tặng, biếu này; và khoản bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh.

Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu do Công ty phát hành và sau đó mua lại. Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế và trình bày trên Bảng Cân đối kế toán là một khoản ghi giảm vốn chủ sở hữu. Công ty không ghi nhận các khoản lãi (lỗ) khi mua, bán, phát hành hoặc hủy cổ phiếu quỹ.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh đo áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam.

**14 . Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu**

*Doanh thu bán hàng*

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

*Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

*Doanh thu hợp đồng xây dựng*

Phần công việc hoàn thành của Hợp đồng xây dựng làm cơ sở xác định doanh thu được xác định theo phương pháp tỷ lệ phần trăm (%) giữa chi phí thực tế đã phát sinh của phần công việc đã hoàn thành tại một thời điểm so với tổng chi phí dự toán của hợp đồng.

*Doanh thu hoạt động tài chính*

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

Cổ phiếu thương hay cổ tức trả bằng cổ phiếu: Không ghi nhận khoản thu nhập khi quyền được nhận cổ phiếu thương hay cổ tức bằng cổ phiếu được xác lập, số lượng cổ phiếu thương hay cổ tức bằng cổ phiếu nhận được thuyết minh trên báo cáo tài chính riêng có liên quan.

Cổ phiếu thương hay cổ tức trả bằng cổ phiếu được ghi nhận tăng doanh thu hoạt động tài chính và tăng giá trị khoản đầu tư tương ứng với số tiền cổ tức được chia.

**15. Nguyên tắc kế toán các khoản giảm trừ doanh thu**

Các khoản giảm trừ doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ phát sinh trong kỳ gồm: Chiết khấu thương mại, giảm giá hàng

Các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa dịch

**16. Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán**

Các khoản được ghi nhận vào giá vốn trong kỳ phải đảm bảo nguyên tắc phù hợp với doanh thu của doanh nghiệp

**17. Nguyên tắc kế toán chi phí tài chính**

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ;
- Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

Các khoản dự phòng phải trả chỉ được ghi nhận khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra;
- Sự giảm sút về những lợi ích kinh tế có thể xảy ra dẫn đến việc yêu cầu phải thanh toán nghĩa vụ nợ;
- Đưa ra được một ước tính đáng tin cậy về giá trị của nghĩa vụ nợ đó.

Giá trị được ghi nhận của một khoản dự phòng phải trả là giá trị được ước tính hợp lý nhất về khoản tiền sẽ phải chi để thanh toán nghĩa vụ nợ hiện tại tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Chỉ những khoản chi phí liên quan đến khoản dự phòng phải trả đã lập ban đầu mới được bù đắp bằng khoản dự phòng phải trả đó.

Dự phòng phải trả được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh của kỳ kế toán. Khoản chênh lệch giữa số dự phòng phải trả đã lập ở kỳ kế toán trước chưa sử dụng hết lớn hơn số dự phòng phải trả lập ở kỳ báo cáo được hoàn nhập ghi giảm chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ, trừ khoản chênh lệch lớn hơn của khoản dự phòng phải trả về bảo hành công trình xây lắp được hoàn nhập vào thu nhập khác trong kỳ.

VI . Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Bảng cân đối kế toán

1 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	30/09/2016	01/04/2016
	VND	VND
Tiền mặt	124.505.267	-
Tiền gửi ngân hàng	2.163.245.301	257.409.209
Các khoản tương đương tiền	-	6.596.920.139
	<b>2.287.750.568</b>	<b>6.854.329.348</b>

2 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

2.1 Đầu tư tài chính ngắn hạn

	30/09/2016	01/04/2016
	VND	VND
Tiền gửi tiết kiệm có kỳ hạn	60.000.000.000	-
Khoản tiền gửi kỳ hạn 12 tháng, lãi suất trung bình 6,9%/năm tại BIDV - CN SGD1		

2.2 Đầu tư tài chính dài hạn

Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác

	30/09/2016		01/04/2016	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
<b>Đầu tư vào công ty con</b>	<b>430.664.926.000</b>	<b>(93.973.686.209)</b>	<b>419.608.926.000</b>	<b>(99.181.106.555)</b>
- Công ty TNHH Giải pháp phần mềm CMC (i)	50.000.000.000		50.000.000.000,00	
- Công ty TNHH Tích hợp hệ thống CMC (ii)	70.000.000.000		60.000.000.000,00	
- Công ty Cổ phần An ninh An toàn Thông tin CMC	20.756.000.000	(10.300.171.769)	19.700.000.000	(8.110.247.056)
- Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại CMC (iii)	100.000.000.000	(78.308.978.440)	100.000.000.000	(85.706.323.499)
- Công ty TNHH CMC Blue France (iv)	5.364.536.000	(5.364.536.000)	5.364.536.000	(5.364.536.000)
- Công ty Cổ phần Hạ tầng Viễn thông CMC	184.544.390.000		184.544.390.000	
<b>Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết</b>	<b>12.248.356.000</b>	-	<b>12.248.356.000</b>	-
- Công ty Cổ phần Liên doanh Ciber CMC	4.990.000.000	-	4.990.000.000	-
- Công ty Cổ phần Netnam	7.258.356.000	-	7.258.356.000	-
<b>Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác</b>	<b>627.044.400</b>	<b>(627.044.400)</b>	<b>627.044.400</b>	<b>(627.044.400)</b>
- Công ty TNHH Vijasgate	627.044.400	(627.044.400)	627.044.400	(627.044.400)
<b>Tổng cộng</b>	<b>443.540.326.400</b>	<b>(94.600.730.609)</b>	<b>432.484.326.400</b>	<b>(99.808.150.955)</b>

5 . PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG

	30/09/2016	01/04/2016
	VND	VND
- Phải thu các khách hàng khác	13.717.229.925	11.220.820.014
- Phải thu các bên liên quan	1.653.767.486	2.681.765.232
	<b>15.370.997.411</b>	<b>13.902.585.246</b>

6 . TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	30/09/2016	01/04/2016
	VND	VND
- Trả trước cho người bán khác	1.052.279.541	369.679.382
- Trả trước cho các bên liên quan		
	<b>1.052.279.541</b>	<b>369.679.382</b>

**7 . PHẢI THU VỀ CHO VAY NGẮN HẠN**

	30/09/2016	01/04/2016
	VND	VND
- Phải thu các bên liên quan	2.753.792.440	4.732.536.683
- Phải thu các tổ chức, cá nhân khác		
	<b>2.753.792.440</b>	<b>4.732.536.683</b>

**8 . PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC**

	30/09/2016	01/04/2016
	VND	VND
a) Phải thu các bên liên quan	98.005.120.750	145.233.977.101
- Phải thu lãi cho vay	8.631.580.087	8.762.017.587
- Phải thu về cổ tức và lợi nhuận	51.717.943.315	64.522.252.018
- Các khoản thu khác	12.960.004.586	
- Các khoản chi hộ	24.695.592.762	71.949.707.496
b) Phải thu các tổ chức, cá nhân khác	12.809.481.684	13.107.454.438
	<b>110.814.602.434</b>	<b>158.341.431.539</b>

**9 . HÀNG TỒN KHO**

	30/09/2016		01/04/2016	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
- Công cụ, dụng cụ	57.650.000		57.650.000	
	<b>57.650.000</b>	-	<b>57.650.000</b>	-

**10 . CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG**

	30/09/2016	01/04/2016
	VND	VND
- Mua sắm Tài sản cố định	-	2.212.451.460
- Dự án phần mềm kế toán CeAC		1.887.800.000
- Dự án phần mềm công thông tin nội bộ		324.651.460
- Xây dựng cơ bản	111.690.000	2.767.420.000
- Dự án hệ thống hạ tầng Công nghệ thông tin Tập đoàn		2.655.730.000
- Dự án tầng 19 Tòa nhà CMC		111.690.000
	<b>111.690.000</b>	<b>4.979.871.460</b>

**11 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH**

Xem chi tiết phụ lục 01

**12 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH**

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy vi tính	TSCĐ vô hình khác	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá				
Số dư đầu kỳ	-	17.930.721.014	59.000.000	17.989.721.014
- Mua trong kỳ	-	-	-	-
- Tặng khác	-	2.212.451.460	-	2.212.451.460
- Giảm khác	-	-	-	-
Số dư cuối kỳ	-	<b>20.143.172.474</b>	<b>59.000.000</b>	<b>20.202.172.474</b>
Giá trị hao mòn lũy kế				
Số dư đầu kỳ	-	6.699.796.483	59.000.000	6.758.796.483

			Mẫu B09 - DN
- Khấu hao trong kỳ	-	1.274.068.860	1.274.068.860
Số dư cuối kỳ	-	<u>7.973.865.343</u>	<u>8.032.865.343</u>
Giá trị còn lại			
Tại ngày đầu	-	11.230.924.531	11.230.924.531
Tại ngày cuối	-	<u>12.169.307.131</u>	<u>12.169.307.131</u>
<b>13 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC</b>			
		30/09/2016	01/04/2016
a) Ngắn hạn			
- Công cụ, dụng cụ ngắn hạn chờ phân bổ		196.468.553	122.633.027
- Chi phí bảo hiểm tòa nhà		-	95.852.432
- Chi phí bảo trì và hỗ trợ hệ thống QTDN		800.261.095	1.550.000.000
- Chi phí trả trước ngắn hạn khác		68.999.998	54.733.332
		<u>1.065.729.646</u>	<u>1.823.218.791</u>
b) Dài hạn			
- Công cụ, dụng cụ dài hạn chờ phân bổ		191.548.108	35.132.692
- Tiền thuê đất Khu CNC TPHCM		8.326.335.679	8.419.194.447
- Chi phí môi giới cho thuê văn phòng		846.560.320	650.972.168
- Phí trước bạ nhà đất		465.901.423	472.072.303
- Chi phí sửa chữa Văn phòng		50.268.000	351.876.000
		<u>9.880.613.530</u>	<u>9.929.247.610</u>
<b>14 . VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH</b>			
a) Vay ngắn hạn			
		30/09/2016	01/04/2016
Vấn thấu chi ngắn hạn ngân hàng		42.268.534.502	
Vay cá nhân		19.305.935.224	6.166.745.338
Cộng		<u>61.574.469.726</u>	<u>6.166.745.338</u>
<b>15 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN</b>			
a) Phải trả người bán ngắn hạn			
- Phải trả các bên liên quan		8.427.799.925	12.760.253.868
- Phải trả các nhà cung cấp khác		118.620.816	1.072.145.454
		<u>8.546.420.741</u>	<u>13.832.399.322</u>
<b>16 . NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC</b>			
		30/09/2016	01/04/2016
		VND	VND
a) Ngắn hạn			
- Trả trước của các bên liên quan			
- Trả trước của khách hàng khác		1.074.387.902	4.368.389.524
Cộng		<u>1.074.387.902</u>	<u>4.368.389.524</u>
<b>17 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC</b>			
Xem chi tiết phụ lục 02			
<b>18 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ</b>			
		30/09/2016	01/04/2016
		VND	VND
a) Ngắn hạn			
- Thủ lao HDQT và BKS		174.000.000	150.900.000

	Mẫu B09 - DN
- Chi phí thuê đất	- 263.148.873
- Chi phí quản lý tòa nhà	1.290.324.705 1.287.389.678
- Tạm trích lương năng suất	3.387.068.369 -
- Chi phí phải trả ngắn hạn khác	114.310.955
	<b>4.965.704.029 1.701.438.551</b>
<b>19 . PHẢI TRẢ KHÁC</b>	
	30/09/2016 01/04/2016
	VND VND
<b>a) Ngắn hạn</b>	
Phải trả các bên liên quan	10.363.933.966 7.783.204.866
Phải trả các tổ chức, cá nhân khác	5.888.295.998 5.551.186.562
- Kinh phí công đoàn	82.665.930 90.780.781
- Bảo hiểm xã hội, y tế, thất nghiệp	- -
- Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	- 49.824.000
- Lãi vay phải trả	180.865.071 3.619.765.726
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả	870.261.280 98.697.000
- Các khoản phải trả ngắn hạn khác	4.754.503.717 1.692.119.055
	<b>16.252.229.964 13.334.391.428</b>
<b>b) Dài hạn</b>	
- Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	13.333.463.111 14.548.029.064
	<b>13.333.463.111 14.548.029.064</b>
<b>20 . DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN</b>	
	30/09/2016 01/04/2016
	VND VND
<b>a) Ngắn hạn</b>	
- Doanh thu cho thuê văn phòng nhận trước	11.394.545.144 7.351.570.058
	<b>11.394.545.144 7.351.570.058</b>
<b>21 . VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	
Xem chi tiết phụ lục 03	
<b>22 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ</b>	
	Từ 01/07/2016 Từ 01/07/2015
	đến 30/09/2016 đến 30/09/2015
	VND VND
Doanh thu bán hàng	9.061.570.060 5.070.239.874
Doanh thu cung cấp dịch vụ	20.577.163.971 21.932.500.688
Doanh thu khác	- 13.443.929
	<b>29.638.734.031 27.016.184.491</b>
<b>23 . CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU</b>	
<b>24 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN</b>	
	Từ 01/07/2016 Từ 01/07/2015
	đến 30/09/2016 đến 30/09/2015
	VND VND
Giá vốn của hàng hóa, dịch vụ đã cung cấp	20.090.984.004 14.772.469.157
	<b>20.090.984.004 14.772.469.157</b>

Mẫu B09 - DN

**25 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	Từ 01/07/2016 đến 30/09/2016	Từ 01/07/2015 đến 30/09/2015
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	971.614.761	23.883.973
Cổ tức, lợi nhuận được chia	-	3.496.917.000
Doanh thu hoạt động tài chính khác	-	1.229.162
	<b>971.614.761</b>	<b>3.522.030.135</b>

**26 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	Từ 01/07/2016 đến 30/09/2016	Từ 01/07/2015 đến 30/09/2015
	VND	VND
Lãi tiền vay	442.030.139	1.330.906.990
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh và tổn thất đầu tư	(5.207.420.346)	(2.108.932.155)
Chi phí tài chính khác	-	345.482.501
	<b>(4.765.390.207)</b>	<b>(432.542.664)</b>

**27 . CHI PHÍ BÁN HÀNG**

	Từ 01/07/2016 đến 30/09/2016	Từ 01/07/2015 đến 30/09/2015
	VND	VND
Chi phí dịch vụ mua ngoài	297.857.420	153.419.652
Chi phí khác bằng tiền	-	-
	<b>297.857.420</b>	<b>153.419.652</b>

**28 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	Từ 01/07/2016 đến 30/09/2016	Từ 01/07/2015 đến 30/09/2015
	VND	VND
	8.183.690.225	7.909.426.719
	<b>8.183.690.225</b>	<b>7.909.426.719</b>

**29 . THU NHẬP KHÁC**

	Từ 01/07/2016 đến 30/09/2016	Từ 01/07/2015 đến 30/09/2015
	VND	VND
Các khoản thu hộ	419.074.945	11.190.000
	<b>419.074.945</b>	<b>11.190.000</b>

**30 . CHI PHÍ KHÁC**

	Từ 01/07/2016 đến 30/09/2016	Từ 01/07/2015 đến 30/09/2015
	VND	VND
Các khoản chi hộ	419.074.945	6.853.744
	<b>419.074.945</b>	<b>6.853.744</b>

**31 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH**

	Từ 01/07/2016 đến 30/09/2016	Từ 01/07/2015 đến 30/09/2015
--	---------------------------------	---------------------------------



Mẫu B09 - DN  
 VND VND

*Thuế TNDN từ hoạt động kinh doanh chính*

Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế TNDN	6.803.207.350	8.142.778.018
Các khoản điều chỉnh tăng	2.198.231.760	72.510.000
- Chi phí không hợp lệ	2.073.731.760	-
- Thu lao HDQT và BKS không trực tiếp tham gia điều hành	124.500.000	72.510.000
Các khoản điều chỉnh giảm	-	3.496.917.000
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	-	3.496.917.000
Thu nhập chịu thuế TNDN	9.001.439.110	4.718.371.018
Lỗ các năm trước còn được chuyển	9.001.439.110	4.718.371.018
Thu nhập tính thuế	-	-
Thuế suất thuế TNDN	22%	22%
<b>Thuế TNDN phải nộp cuối năm từ hoạt động KD chính</b>		

**32 . THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HOÀN LẠI**

- a) Tài sản thuế Thu nhập hoãn lại  
 b) Thuế thu nhập hoãn lại phải trả

	Từ 01/07/2016 đến 30/09/2016	Từ 01/07/2015 đến 30/09/2015
	VND	VND
Thuế Thu nhập hoãn lại phải trả liên quan đến chi phí khấu hao thiết bị tòa nhà CMC. Chi tiết phát sinh như sau:		
Tại ngày đầu kỳ	1.763.240.645	1.827.036.621
Ghi nhận vào KQKD trong kỳ	(28.998.170)	(31.897.988)
Tại ngày cuối kỳ	1.734.242.475	1.795.138.633
<b>Thuế thu nhập hoãn lại phải trả</b>	<b>1.734.242.475</b>	<b>1.795.138.633</b>

- c) Chi phí thuế thu nhập hoãn lại

	Từ 01/07/2016 đến 30/09/2016	Từ 01/07/2015 đến 30/09/2015
	VND	VND
Hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại	(28.998.170)	(31.897.988)
	<b>(28.998.170)</b>	<b>(31.897.988)</b>

NGUYỄN HỒNG PHƯƠNG  
 Kế toán trưởng

LÊ THANH SƠN  
 Giám đốc tài chính



NGUYỄN TRUNG CHÍNH  
 Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 18 tháng 10 năm 2016

Phụ lục 1 : Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tổng
	VND	VND	VND	VND
<b>Nguyên giá</b>				
Số dư đầu kỳ	201.325.798.152	156.996.191.580	2.687.961.806	361.009.951.538
Số tăng trong kỳ	-	3.341.770.000	-	3.341.770.000
- Mua trong kỳ	-	-	-	-
- Đầu tư XD/CB hoàn thành	-	3.341.770.000	-	3.341.770.000
- Tăng khác	-	-	-	-
Số giảm trong kỳ	-	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-	-
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>201.325.798.152</b>	<b>160.337.961.580</b>	<b>2.687.961.806</b>	<b>364.351.721.538</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>				
Số dư đầu kỳ	21.903.860.538	59.150.980.569	2.055.584.003	83.110.425.110
Số tăng trong kỳ	2.229.022.074	6.639.508.623	24.058.960	8.892.589.657
- Khấu hao trong kỳ	2.229.022.074	6.639.508.623	24.058.960	8.892.589.657
- Tăng khác	-	-	-	-
Số giảm trong kỳ	-	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-	-
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>24.132.882.612</b>	<b>65.790.489.192</b>	<b>2.079.642.963</b>	<b>92.003.014.767</b>
<b>Giá trị còn lại</b>				
Tại ngày đầu kỳ	179.421.937.614	97.845.211.011	632.377.803	277.899.526.428
Tại ngày cuối kỳ	177.192.915.540	94.547.472.388	608.318.843	272.348.706.771

Phụ lục 02 : THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC

	Số phải thu đầu kỳ	Số phải nộp đầu kỳ	Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp trong kỳ	Số phải thu cuối kỳ	Số phải nộp cuối kỳ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
- Thuế Giá trị gia tăng	176.099.811	716.036.383	5.177.461.538	5.134.298.445	176.099.811	759.199.476
- Thuế Thu nhập doanh nghiệp	20.312.223				20.312.223	
- Thuế Thu nhập cá nhân		35.349.915	1.134.730.910	1.101.372.800		68.708.025
- Các loại thuế khác						
	<u>196.412.034</u>	<u>751.386.298</u>	<u>6.312.192.448</u>	<u>6.235.671.245</u>	<u>196.412.034</u>	<u>827.907.501</u>

Phụ lục 03: BẢNG ĐỐI CHIẾU BIẾN ĐỘNG CỦA VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của CSH	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư tại ngày 01/04/2015	673.419.530.000	14.895.512.634	(6.840.260.634)	(10.529.966.019)	670.944.815.981
Lãi/(lỗ) trong kỳ này	-	-	-	77.055.568.111	77.055.568.111
Trích lập các quỹ	-	-	-	(4.671.919.813)	(4.671.919.813)
Chi thường HĐQT, BDH	-	-	-	(1.285.500.000)	(1.285.500.000)
<b>Số dư tại ngày 31/03/2016</b>	<b>673.419.530.000</b>	<b>14.895.512.634</b>	<b>(6.840.260.634)</b>	<b>60.568.182.279</b>	<b>742.042.964.279</b>
Số dư tại ngày 01/04/2016	673.419.530.000	14.895.512.634	(6.840.260.634)	60.568.182.279	742.042.964.279
Lãi/(lỗ) trong kỳ này	-	-	-	22.601.694.463	22.601.694.463
Trích lập các quỹ	-	-	-	(286.706.227)	(286.706.227)
Chi thường HĐQT, BDH	-	-	-	(1.075.100.000)	(1.075.100.000)
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	(52.994.155.200)	(52.994.155.200)
Trích quỹ phát triển KH và CN	-	-	-	(2.260.169.446)	(2.260.169.446)
<b>Số dư tại ngày 30/09/2016</b>	<b>1.346.839.060.000</b>	<b>29.791.025.268</b>	<b>(13.680.521.268)</b>	<b>26.553.745.869</b>	<b>708.028.527.869</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN  
TẬP ĐOÀN CÔNG NGHỆ CMC**

---\*---

Số: *127* /2016/CMC-VPHDQT  
V/v: Giải trình biến động BCTC Công ty Mẹ  
từ 01/07/2016 đến 30/09/2016

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

---\*---

Hà Nội, ngày 20 tháng 10 năm 2016

**Kính gửi: Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước  
Sở Giao Dịch Chứng Khoán TP. Hồ Chí Minh**

Trước hết Công ty Cổ phần Tập đoàn Công nghệ CMC xin gửi lời chào trân trọng đến Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước, Sở Giao Dịch Chứng Khoán TP. Hồ Chí Minh và xin chân thành cảm ơn sự quan tâm, hỗ trợ của các Quý Cơ quan trong thời gian qua.

Căn cứ theo Điều 10 Khoản 3.2. Thông tư 52/2012/TT- CBTT Hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán "...Trường hợp lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa kỳ báo cáo so với cùng kỳ báo cáo năm trước có biến động từ mười phần trăm (10%) trở lên hoặc kết quả kinh doanh trong quý bị lỗ, tổ chức niêm yết, công ty đại chúng quy mô lớn phải giải trình rõ nguyên nhân trong báo cáo tài chính quý đó...", Công ty Cổ phần Tập đoàn Công nghệ CMC xin giải trình về việc biến động Báo cáo Tài chính Riêng Quý II năm 2016 (kỳ kế toán từ 01/07/2016 đến 30/09/2016) như sau:

Lợi nhuận trên BCTC Tổng hợp riêng cho Công ty Mẹ Quý II năm 2016 giảm so với Quý II năm 2015 là 20% chủ yếu do Doanh thu dịch vụ công nghệ giảm nhẹ so với cùng kỳ năm trước.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Công nghệ CMC xin trân trọng giải trình.

**CÔNG TY CP TẬP ĐOÀN CÔNG NGHỆ CMC**

Nơi nhận:

- Như trên
- Lưu VT
- Đính kèm BCTC Riêng từ  
01/07/2016 đến 30/09/2016

Người thực hiện công bố thông tin



**Lê Thanh Sơn**